**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THÔNG TƯ[1]

## Hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước

Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 81/2013/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, có hiệu lực kể từ ngày 3 tháng 8 năm 2013.

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/06/2005; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6576/VPCP-KTTH ngày 24/8/2012 của Văn phòng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chính sách thuế*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012;

- Thông tư số 81/2013/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước, có hiệu lực kể từ ngày 3 tháng 8 năm 2013.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

*đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước*[2].

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Hàng hoá nông sản chưa qua chế biến thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này do các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng (bằng các hình thức như: bỏ vốn, trực tiếp trồng hoặc đầu tư bằng tiền, hiện vật) tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam có tên trong danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất hàng hoá tại Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu và không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Các trường hợp chỉ mua lại sản phẩm hoặc đầu tư tại các tỉnh của Campuchia không giáp biên giới với Việt nam không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

**Điều 2. Thủ tục miễn thuế nhập khẩu**

1. Thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp Việt Nam khi nhập khẩu hàng hoá thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu quy định tại Thông tư này phải có đầy đủ các hồ sơ theo quy định sau:

a) Công văn đề nghị miễn thuế nhập khẩu của doanh nghiệp, trong đó ghi cụ thể số lượng, chủng loại, trị giá hàng hoá nhập khẩu: Nộp 01 bản chính;

---

[2] Thông tư số 81/2013/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 6578/VPCP-KTTH ngày 24/8/2012 của Văn phòng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước."*

b) Văn bản xác nhận cho phép đầu tư của cơ quan có thẩm quyền tại Campuchia nơi doanh nghiệp Việt Nam đầu tư: Nộp 01 bản chụp kèm 01 bản dịch tiếng Việt có đóng dấu và xác nhận của doanh nghiệp;

c) Hợp đồng hoặc Thoả thuận ký kết với phía Campuchia về việc hỗ trợ đầu tư, trồng và nhận lại nông sản, trong đó ghi rõ số tiền, hàng đầu tư vào từng lĩnh vực và tương ứng là số lượng, chủng loại, trị giá từng loại nông sản sẽ thu hoạch được. Khi làm thủ tục nhập khẩu hàng nông sản, doanh nghiệp phải nộp bản chụp và xuất trình bản chính Hợp đồng hoặc Thoả thuận ký kết với phía Campuchia về hỗ trợ đầu tư, trồng và nhận lại nông sản nêu trên để cơ quan Hải quan (nơi đơn vị làm thủ tục nhập khẩu hàng) đối chiếu: Nộp 01 bản chụp;

d) Chứng từ liên quan đến việc hỗ trợ đầu tư, trồng nông sản tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt nam (nếu có).

Căn cứ hồ sơ nêu trên, cơ quan hải quan (nơi đơn vị nhập khẩu hàng) kiểm tra, đối chiếu với hàng hoá thực tế nhập khẩu để xử lý miễn thuế nhập khẩu cho từng lô hàng nhập khẩu, đồng thời xác nhận "Hàng miễn thuế" trên Tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

2. Thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với hộ kinh doanh, cá nhân

Các hộ kinh doanh, cá nhân Việt Nam trước khi nhập khẩu hàng hoá thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu quy định tại Thông tư này phải đăng ký danh mục hàng nhập khẩu miễn thuế (theo mẫu 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này) tại Chi cục Hải quan quản lý cửa khẩu thuộc các tỉnh giáp biên giới Việt Nam - Campuchia quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Khi nhập khẩu hàng hoá thực hiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định sau:

a) Công văn đề nghị miễn thuế nhập khẩu của hộ kinh doanh, cá nhân, trong đó ghi cụ thể số lượng, chủng loại, trị giá hàng hoá nhập khẩu: Nộp 01 bản chính;

b) Phiếu theo dõi, trừ lùi (01 bản) cho từng hộ kinh doanh, cá nhân được xây dựng theo từng năm do cơ quan hải quan cửa khẩu cấp (theo mẫu 03 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) theo danh sách hộ kinh doanh, cá nhân đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hộ kinh doanh, cá nhân cư trú công bố hàng năm.

Cơ quan hải quan (nơi hộ kinh doanh, cá nhân nhập khẩu hàng), căn cứ hồ sơ nêu trên và danh sách hộ kinh doanh, cá nhân hỗ trợ đầu tư, trồng tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hộ kinh doanh, cá nhân cư trú công bố hàng năm, kiểm tra, đối chiếu với hàng hoá thực tế nhập khẩu để xử lý miễn thuế nhập khẩu cho từng lô hàng nhập khẩu,

đồng thời xác nhận "Hàng miễn thuế" trên Tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

**Điều 3. Xử lý vi phạm**

Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân nhập khẩu hàng hoá đã được xử lý miễn thuế nhập khẩu, nếu phát hiện hàng không thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu sẽ bị truy thu và xử phạt theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**[3]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 61/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 và Thông tư số 16/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2006/TT-BTC ngày 29/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước.

*2a.*[4] *Đối với dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài để thực hiện dự án hỗ trợ đầu tư, trồng nông sản tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam trước ngày 31/12/2012 (ngày Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về Việt Nam có hiệu lực thi hành) thì tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng nông sản chưa qua chế biến ban hành kèm theo Thông tư số 61/2006/TT-BTC cho thời gian còn lại của giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài tính từ ngày 31/12/2012 trở đi và phải đáp ứng thủ tục miễn thuế nhập khẩu quy định tại Điều 2 Thông tư số 201/2012/TT-BTC. Trường hợp nhà đầu tư điều chỉnh quy mô dự án thì phần điều chỉnh tăng thêm thực hiện theo quy định của Thông tư 201/2012/TT-BTC.*

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh giáp biên giới Việt Nam – Campuchia tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có trách nhiệm công bố bằng văn bản

---

[3] Điều 2 Thông tư số 81/2013/TT-BTC quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 3 tháng 8 năm 2013.*

*2. Đối với các tờ khai hàng hoá nhập khẩu của dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này đã đăng ký với cơ quan hải quan trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được miễn thuế nhập khẩu và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 1 Thông tư này./."*

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 81/2013/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 3 tháng 8 năm 2013.

danh sách hộ kinh doanh, cá nhân đầu tư, trồng nông sản tại các tỉnh của Campuchia giáp biên giới Việt Nam hàng năm (theo các chỉ tiêu nêu tại mẫu 04 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này) trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi văn bản công bố đến Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh và Chi cục Hải quan quản lý cửa khẩu thuộc các tỉnh giáp biên giới Việt Nam - Campuchia quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp trong năm có sự thay đổi các tiêu chí nêu trong văn bản đã công bố thì kịp thời ban hành văn bản điều chỉnh cho phù hợp.

4. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo, Cục Hải quan trên địa bàn hoạt động của mình có cửa khẩu thuộc các tỉnh giáp biên giới Việt Nam - Campuchia tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có trách nhiệm lập báo cáo gồm các nội dung như tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, số lượng, chủng loại trị giá mặt hàng miễn thuế đã đăng ký và thực hiện miễn thuế gửi Tổng cục Hải quan.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 51 /VBHN-BTC

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC ( 5 b).

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2014*

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**